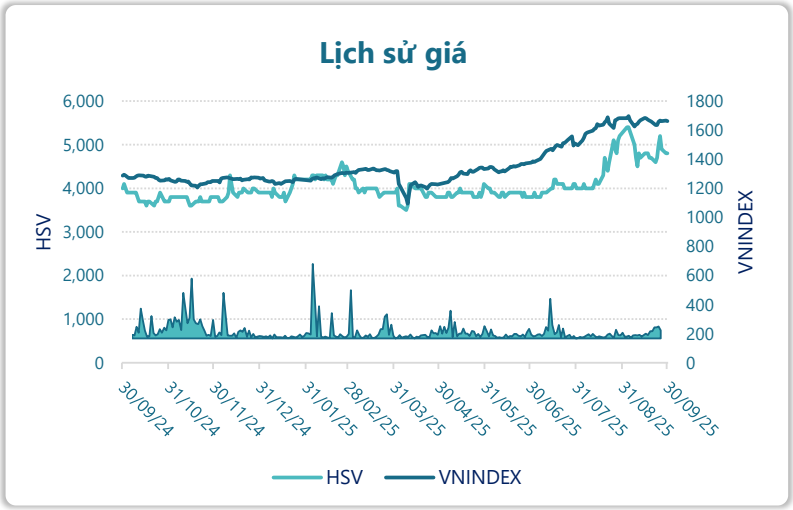
FireAnt

CTCP Tập đoàn HSV Việt Nam (UPCOM: HSV)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	15,749,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	167,690
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	76
P/E	13.3
EPS	362

DT thuần

Q3/25

382

tỷ VNĐ

QoQ: ▼82.0| -17.6%

YoY: ▲ 123| 47.6%

LN sau thuế

Q3/25

0.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.01| -53.1%

YoY: ▼0.02| -2.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

9T 2025

1,136

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 462| 68.4%

LN sau thuế

9T 2025

3.91

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.62| 71.2%

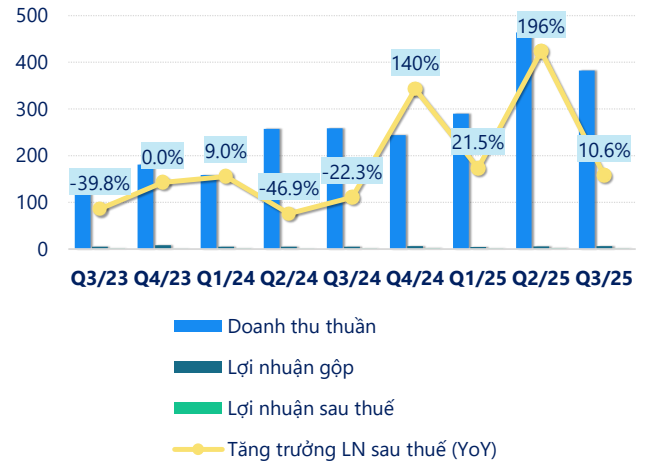
ROE

Q3/25

3.3%

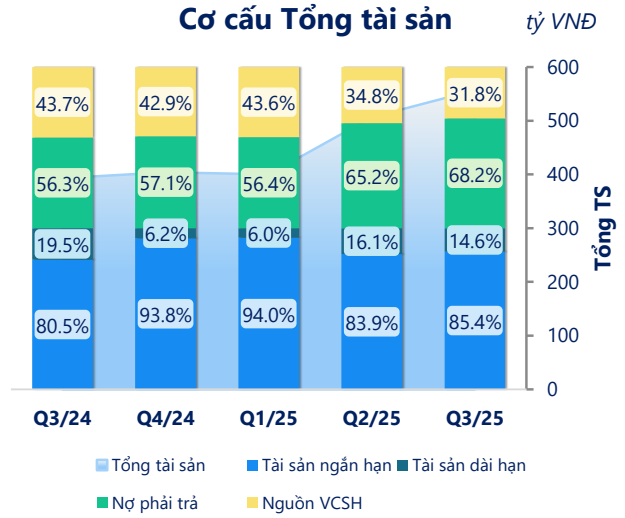
+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh



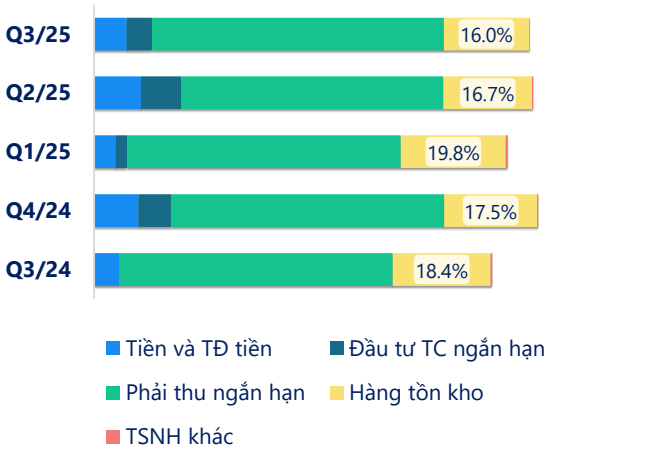
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



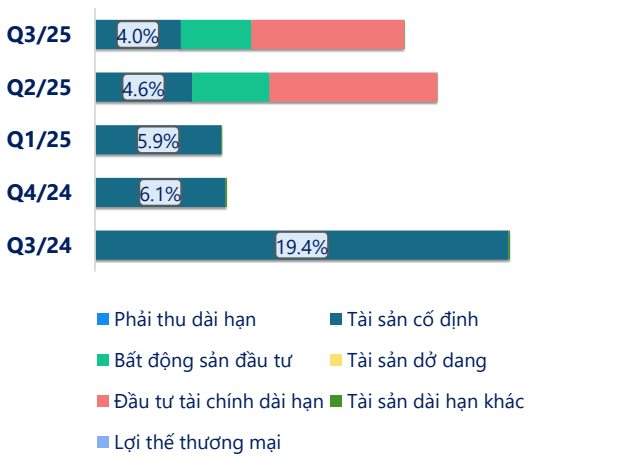
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



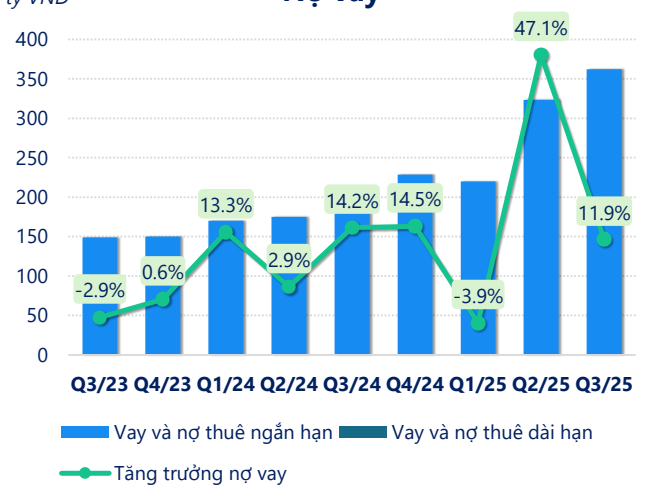
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



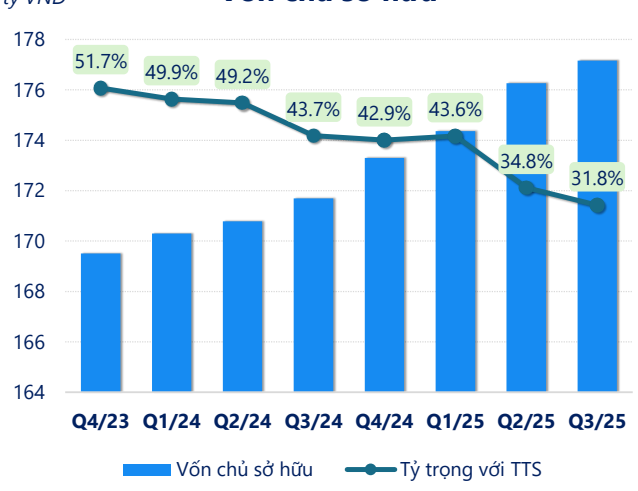
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



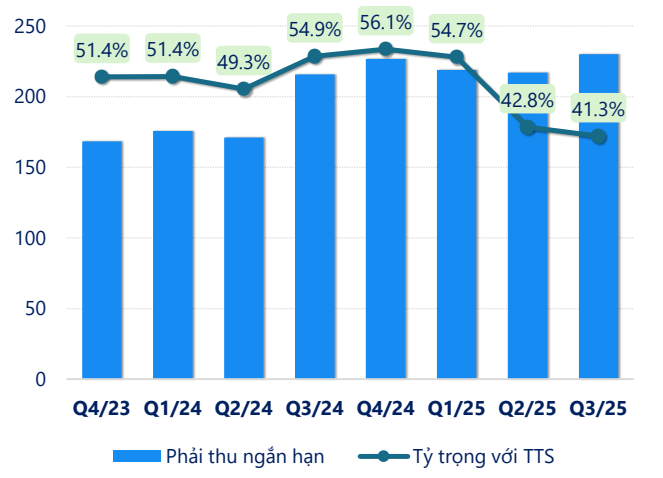
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



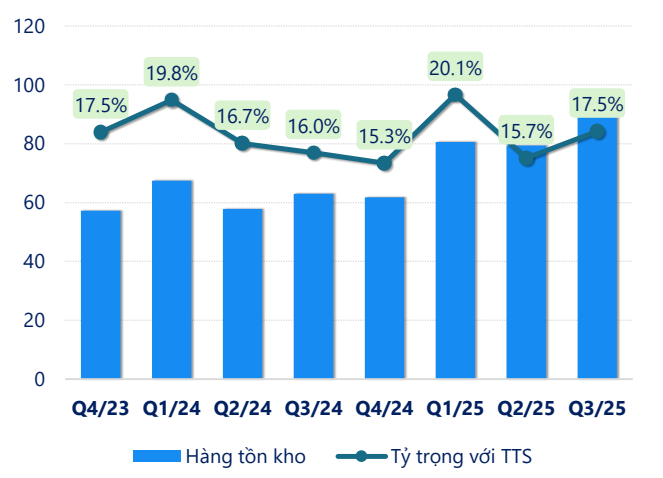
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



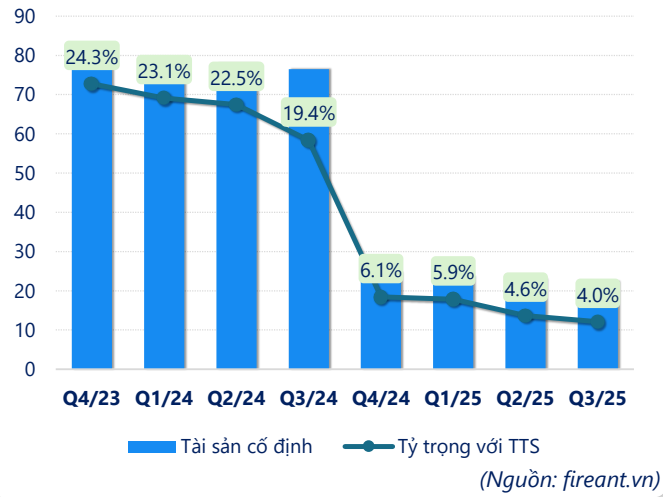
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



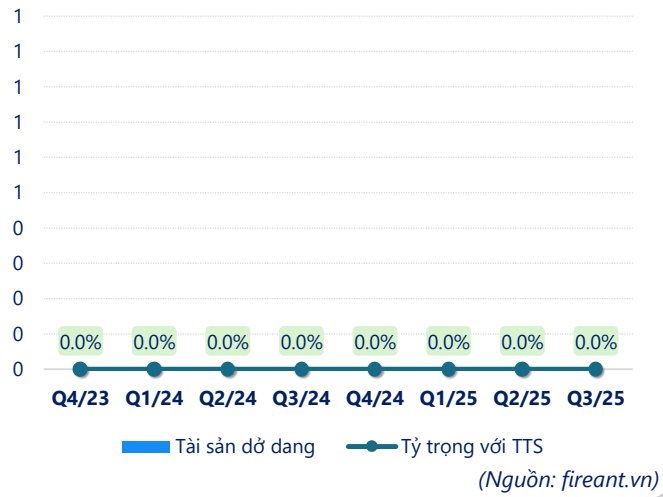
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



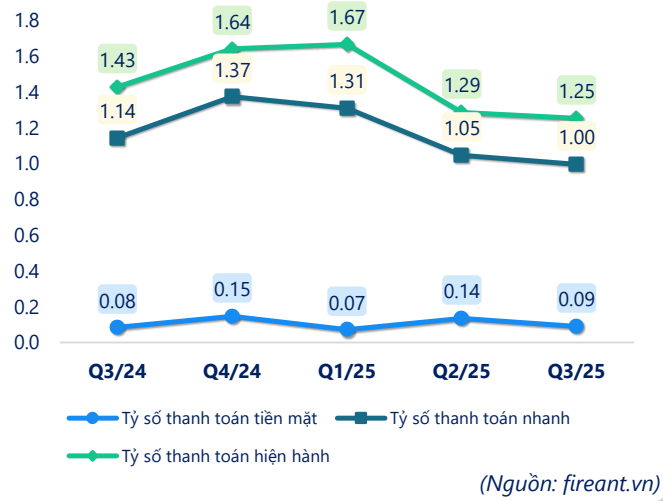
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



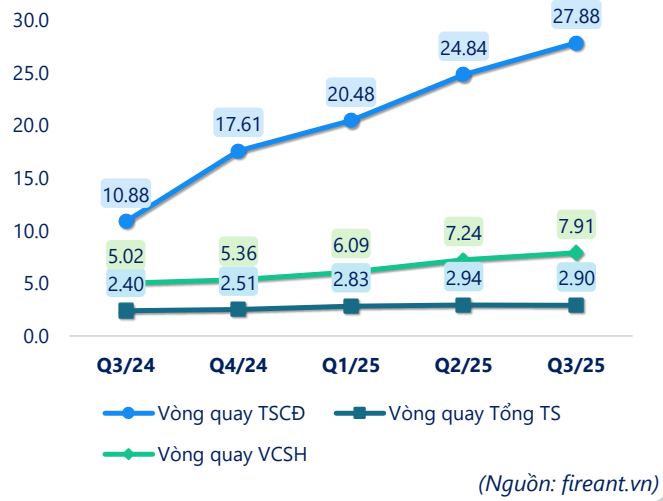
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**393**	**404**	**400**	**507**	**557**
Tài sản ngắn hạn	**317**	**379**	**376**	**425**	**476**
Tiền và tương đương tiền	18.6	33.8	16.2	44.6	34.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.7	56.6	60.0	83.2	114
Phải thu ngắn hạn	216	227	219	217	230
Hàng tồn kho	63.0	61.8	80.6	79.3	97.7
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.28	0.49	0.93	0.08
Tài sản dài hạn	**76.8**	**25.1**	**23.9**	**81.7**	**81.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	76.5	24.8	23.8	23.1	22.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	18.5	18.5
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	40.0	40.0
Tài sản dài hạn khác	0.26	0.23	0.15	0.11	0.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**222**	**231**	**226**	**331**	**380**
Nợ ngắn hạn	**222**	**231**	**226**	**331**	**380**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	200	229	220	323	362
Phải trả người bán ngắn hạn	21.0	0	4.22	6.01	13.3
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**173**	**174**	**176**	**177**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**173**	**174**	**176**	**177**
Vốn điều lệ	157	157	157	157	157
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)